

Bản án số: 120/2019/HS-PT
Ngày: 26 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Cao Quốc Chiến**

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2019/TLPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thị Hải D, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Thị Hải D**, sinh năm 1989 tại Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân C và bà Trần Bích L; chồng Lê Thành T; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Hữu P – Văn phòng Luật sư Đoàn Công Thiện, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- Bị hại có kháng cáo: Bà Lê Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013 đến cuối năm 2016, Trần Thị Hải D đã mở nhiều dây hụi tháng để làm chủ hụi. Trong quá trình làm chủ hụi D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hụi viên. Đối chiếu sổ sách ghi hụi từ năm 2013 đến tháng 11/2016

âl (âm lịch) thì còn 19 dây hội tháng chưa mãn. Trong 19 dây hội này bị cáo lập hội không, kêu giá cao để hốt hội và lấy tên hội viên bỏ thăm cao để hốt hội chiếm đoạt tổng số tiền 34.750.000 đồng.

Hình thức chơi hội: Các hội viên tham gia các dây hội do Trần Thị Hải D làm chủ, sổ hội bằng cách bỏ thăm, số tiền kêu hội sẽ do các hội viên tự ghi và đưa cho D, đến khi tổ chức xổ hội thăm ai cao nhất sẽ được hốt hội, các hội viên còn lại sẽ đóng hội sống, ai đã hốt rồi thì đóng hội chết (cụ thể như hội 2 triệu đồng, thăm cao nhất 900.000 đồng sẽ được hốt, hội sống đóng 1.100.000 đồng, hội chết đóng 2.000.000 đồng), tiền hoa hồng bị cáo được hưởng là 50% chân hội (hội 2 triệu đồng được hưởng 1 triệu đồng, hội 1 triệu đồng được hưởng 500.000 đồng), D là người trực tiếp gom tiền hội và giao hội cho các hội viên. Khi mở các dây hội D không giao danh sách các hội viên cho từng hội viên mặc dù họ có yêu cầu.

Qua đối chiếu các dây hội Cơ quan điều tra phát hiện Trần Thị Hải D dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên tham gia chơi hội. Cụ thể các dây hội Trần Thị Hải D lừa đảo bị truy tố theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G như sau:

Dây thứ nhất: Vào cuối tháng 10/2016 (âl), Hải D vận động một số hội viên ở xã V, huyện G tham gia chơi dây hội tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Đến ngày 08/12/2016 (dl) nhằm ngày 10/11/2016 (âl), Hải D áp dây hội tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), dây hội có tổng số 19 chân gồm: Trương Thúy Dân (tham gia 01 chân), Nguyễn Thái Nguyên (chơi 01 chân), Lê Thị Mỹ Lượng (chơi 01 chân), Nguyễn Quốc Triệu (chơi 01 chân), Phạm Thị Phương Loan (chơi 01 chân), Nguyễn Thị Cẩm Trinh (chơi 02 chân), D Thùy Trang (chơi 01 chân), Nguyễn Tố My (chơi 01 chân), Trần Thị Ngọc (chơi 3 chân), Nguyễn Thị Trinh (chơi 02 chân), Nguyễn Kiều Tiên (chơi 01 chân), Trương Thị Hạnh (chơi 01 chân), Võ Thị Chi (chơi 01 chân), Kim Thị Hồng (chơi 01 chân) và Trần Thị Hải D (chủ hội) chơi một chân. Dù Nguyễn Thị Trinh không tham gia chơi hội nhưng bị cáo Trần Thị Hải D dùng thủ đoạn gian dối ghi “không” tên Nguyễn Thị Trinh (Trinh Nhỏ) ở ấp Chiến Thắng, xã Vĩnh Tuy, huyện G chơi 02 chân. Dây hội này xổ lần đầu vào ngày 10/11/2016 (âl) bị cáo Trần Thị Hải D lấy tên Nguyễn Thị Trinh (Trinh Nhỏ) hốt chân hội thứ nhất. D kêu miệng là 390.000đ (ba trăm chín mươi nghìn đồng), mỗi chân hội sống phải đóng là 610.000đ (sáu trăm mười nghìn đồng), khi xổ hội D thông báo chỉ Trinh nhỏ hốt và gom được 15 chân hội sống với tổng số tiền là: 9.150.000đ (chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đến kỳ xổ hội lần thứ hai là ngày 07/01/2017 (dl) nhằm ngày 10/12/2016 (âl), D tiếp tục lấy tên Nguyễn Thị Trinh (Trinh Nhỏ) hốt chân hội thứ hai. D kêu miệng là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi chân hội sống phải đóng là 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng), khi xổ hội bị cáo Trần Thị Hải D

thông báo chị Trinh nhỏ hốt và gom được 15 chân hui sống với tổng số tiền là: 8.250.000đ (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Dây hui này có xổ lần thứ ba vào ngày 06/02/2017 (dl) nhằm ngày 10/01/2017 (âl), D lấy chân hui của D chơi và kêu 470.000đ (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) hốt. Mỗi chân hui sống đóng cho hui viên là 530.000đ (năm trăm ba mươi nghìn đồng), xong chỉ có vài hui viên đóng hui nên bị cáo Trần Thị Hải D trả tiền lại cho những hui viên đóng hui lần thứ ba và đình hui.

Qua hai lần lấy tên Trinh nhỏ hốt hui, bị cáo Trần Thị Hải D chiếm đoạt tổng số tiền là: 17.400.000đ (mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Dây thứ hai: Vào tháng 12/2016 (dl) nhằm tháng 11/2016 (âl), Hải D có vận động một số hui viên ở xã V, huyện G để áp dây hui tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), bị cáo Trần Thị Hải D điện thoại rủ chị Huỳnh Bảo Ngọc ở thị trấn D Đông, huyện Phú Quốc tham gia chơi. Chị Ngọc đồng ý chơi một chân, sau đó các hui viên khác không chơi nên chỉ còn một mình chị Ngọc đồng ý chơi một chân, do đó dây hui không thể áp mới. Bị cáo Trần Thị Hải D nảy sinh ý định lừa đảo chị Huỳnh Bảo Ngọc để chiếm đoạt tiền. Vào ngày 10/12/2016 (dl) nhằm ngày 12/11/2016 (âl), D điện thoại cho chị Huỳnh Bảo Ngọc thông báo dây hui 3.000.000đ (ba triệu đồng) đã áp ngày 12/11/2016 (âl), xổ hui lần đầu kêu 900.000đ (chín trăm nghìn đồng), nên chị Bảo Ngọc đã chuyển tiền đóng hui sống cho D với số tiền là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng). Đến ngày 9/01/2017 (dl) nhằm ngày 12/12/2016 (âl), D điện thoại báo cho chị Bảo Ngọc hui xổ lần hai kêu 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) nên chị Ngọc đóng hui sống là 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó chị Ngọc hay tin D bẻ hui nên ngưng. Qua hai lần lừa đảo bị cáo Trần Thị Hải D chiếm đoạt của chị Huỳnh Bảo Ngọc tổng số tiền là 4.150.000đ (bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Dây thứ ba: Vào ngày 13/8/2015 nhằm ngày 30/6/2015 âl, bị cáo Trần Thị Hải D mở dây hui tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), dây hui có tổng cộng 24 chân, bị cáo chơi 02 chân, hui xổ được tổng cộng là 19 lần thì đình hui, tuy nhiên lần xổ hui thứ 19 do bị cáo không gom được tiền hui của hui viên để giao cho người hốt hui nên dây hui được tính là xổ 18 lần, xong trong đó có 16 lần xổ hui là có hui viên thực hốt, 02 lần còn lại là do bị cáo tự ý lấy tên người chơi hui để hốt hui của họ, cụ thể như sau: Chân hui của bà Đoàn Thị Ngọc Đây bị cáo đã bỏ thăm hốt vào lần xổ hui thứ 13 vào ngày 02/8/2016 nhằm ngày 30/6/2016 âl, bị cáo Trần Thị Hải D đã tự ý ghi thăm 420.000 đồng và hốt chân hui của bà Đây và gom được 12 chân hui sống, trong đó bị cáo gom 10 chân mỗi chân 580.000 đồng, còn lại 02 chân của cô Lê Thị N và Trần Thị Ngọc thì bị cáo gom mỗi chân là 600.000 đồng, tổng số tiền bị cáo gom được của 12 chân hui là 7.000.000 đồng. Chân hui của chị

Phạm Kim Ngọc bị cáo Trần Thị Hải D đã bỏ thăm hốt vào lần xổ hui thứ 16 vào ngày 30/10/2016 nhằm ngày 30/9/2016 âm, bị cáo tự ý kêu 380.000 đồng và hốt chân hui của chị Ngọc, bị cáo gom được 10 chân hui sống với tổng số tiền là 6.200.000 đồng. Như vậy qua hốt hai chân hui của bà Đây và chị Ngọc bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền là 13.200.000 đồng.

Qua các lần lừa đảo tổng số tiền mà bị cáo Trần Thị Hải D chiếm đoạt gồm: hai lần lấy tên Trinh nhỏ để hốt hui; hai lần chị Huỳnh Bảo Ngọc đóng hui (dây hui không có áp) và 02 chân hui bị cáo hốt của bà Đoàn Thị Ngọc Đây và chị Phạm Kim Ngọc là: 17.400.000 đồng + 4.150.000 đồng + 13.200.000 đồng = 34.750.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Hải D phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Hải D 12 (mười hai)** tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả 3.620.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) cho những người sau đây:

+ Bà Lê Thị N với số tiền là 1.220.000đ (một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Bà Lương Thị P với số tiền là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Bà Võ Thị H với số tiền là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả trong thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/5/2019 bị cáo Trần Thị Hải D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo với lý do: Bị cáo phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả cho các bị hại; gia đình bị cáo có ông nội là liệt sĩ, cha là bội đội tham gia chiến trường tại Campuchia.

Ngày 26/4/2019 bị hại Lê Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Hải D từ 01 năm tù lên 03 năm tù với lý do bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có thành ý khắc phục hậu quả cho bị hại.

* Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo và bị cáo yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo từ yêu cầu xin được hưởng án treo sang yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại bà Lê Thị N thống nhất với mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã có xem xét về mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là đã tương xứng với hành vi của bị cáo. Bị hại N kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để tăng hình phạt cho bị cáo nên không được chấp nhận. Đối với kháng cáo của bị cáo đưa ra tình tiết giảm nhẹ mới là cha bị cáo có công với cách mạng và bị cáo khắc phục hết số tiền cho bị hại, tuy nhiên theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì phải là bị cáo có công với cách mạng, tình tiết khắc phục hậu quả thì cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa như sau: Luật sư thống nhất với cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh, về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên về mức án đối với bị cáo vẫn còn khả năng giảm. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là cha bị cáo có công với cách mạng nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, phần bồi thường cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường bị cáo đã bồi thường xong; hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ chồng bị cáo đang làm thủ tục ly hôn và bị cáo đang bị bệnh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị hại cho rằng bị cáo không thành khẩn là không đúng, bị cáo đã khắc phục hậu quả thể hiện bị cáo cũng rất hối hận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Hải D và bị hại Lê Thị N về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Lợi dụng lòng tin của hội viên và bằng thủ đoạn gian dối, trong thời gian làm chủ hội từ ngày 08/12/2016 đến ngày 10/12/2016 tại ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang Trần Thị Hải D đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hội viên trong 03 dây hội gồm dây hội 1.000.000đồng áp ngày 08/12/2016; dây hội 3.000.000đồng ngày 10/12/2016 và dây hội 1.000.000đồng áp ngày 13/8/2015, với tổng số tiền chiếm đoạt là 34.750.000đồng. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi để biết được rằng, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và thực hiện trong suốt một thời gian dài. Bằng nhiều thủ đoạn gian dối và lợi dụng lòng tin của các hội viên, bị cáo đã lập tên hội viên không, lấy tên hội viên khác để bỏ thăm hốt hội, sau đó tuyên bố bẻ hội để nhằm chiếm đoạt số tiền hội của các hội viên. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý bức xúc cho những người bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ xin hưởng án treo sang xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết giảm nhẹ cha bị cáo là người có công với cách mạng là có thiếu sót; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tiếp tục khắc phục hết số tiền còn lại cho bị hại và hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng khó khăn, do đó cần thiết áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị hại: Bị hại N kháng cáo cho rằng bị cáo chưa thành khẩn khai báo, chưa có thành ý khắc phục hậu quả cho bị hại nên đề nghị tăng hình phạt của bị cáo. Thấy rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng đã khắc phục xong số tiền mà cấp sơ thẩm buộc bồi thường

cho các bị hại, điều này thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không đưa ra được căn cứ để tăng hình phạt của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại N.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp, bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[6] Xét quan điểm bào chữa của Luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là cha bị cáo có công với cách mạng và bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư là thỏa đáng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Hải D, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Thị N;

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Hải D - 09 (chín) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Trần Thị Hải D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc bị hại Lê Thị N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKSND huyện(1)
- TAND huyện (1)
- THA hình sự huyện (1)
- CC THADS huyện (1)
- Bị cáo (1);
- Bị hại;
- Lưu (7).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang